TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST
Ngày 31-8-2020
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Lợi;

Bà Trần Thị Đàm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Luyện Thị Hương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái: Không tham gia phiên toà.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020, về việc "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 01/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quang H, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn 10 (nay là thôn TĐ), xã VT, huyện TY, tỉnh Yên Bái

Chỗ ở hiện nay: 59 - THD, thị trấn MA, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Trần Tuyết A (tên gọi khác: Tran Tuyet A; Tuyet Tran; A Tuyet Tran), sinh năm 1984. Nơi sinh: Việt Nam

Quốc tịch: Canada

Số hộ chiếu: WA 520 ngày cấp 22/01/2009

Địa chỉ khi khai đăng ký kết hôn: Số 492B N2K 2Y7 Canada

Nay cư trú tại: 417 On N2K 3T9 Canada (vắng mặt – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 6 năm 2020 và bản tự khai, nguyên đơn anh Nguyễn Quang H trình bày:

Anh Nguyễn Quang H và chị Trần Tuyết A (Tran Tuyet Anh; Tuyet Tran; Anh Tuyet Tran) kết hôn với nhau vào ngày 06-4-2010, trên cơ sở tự nguyện,

đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng không chung sống với nhau mà mỗi người một nơi. Anh H tiếp tục sống ở Việt Nam còn chị A trở lại Canada. Nguyên nhân ly hôn do không còn tình cảm vợ chồng, không quan tâm và quan điểm sống khác nhau. Đến nay mâu thuẫn trầm trọng, không thể khắc phục được và đề nghị Toà án giải quyết ly hôn.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai đề ngày 17 tháng 7 năm 2020, bị đơn chị Trần Tuyết A (Tran Tuyet Anh; Tuyet Tran; Anh Tuyet Tran) trình bày:

Chị Trần Tuyết A (Tran Tuyet Anh; Tuyet Tran; Anh Tuyet Tran) và anh Nguyễn Quang H kết hôn với nhau vào ngày 06-4-2010, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vì điều kiện hoàn cảnh mà vợ chồng mỗi người một nơi. Anh H định cư tại Việt Nam còn chị A định cư tại Canada. Sau một thời gian chung sống dưới danh nghĩa vợ chồng, vợ chồng không hòa hợp, nảy sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng không thể khắc phục được. Đến nay đã 10 năm vợ chồng sống ly thân, không còn quan hệ tình cảm. Anh H đề nghị Toà án giải quyết ly hôn, chị A hoàn toàn nhất trí.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, vì chị A đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Nguyễn Quang H và chị Trần Tuyết A (Tran Tuyet Anh; Tuyet Tran; Anh Tuyet Tran) có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu của Anh Nguyễn Quang H:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Quang H và chị Trần Tuyết A (Tran Tuyet Anh; Tuyet Tran; Anh Tuyet Tran) có đăng ký kết hôn, trên cơ sở tự nguyện là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Quang H và chị Trần Tuyết A (Tran Tuyet Anh; Tuyet Tran; Anh Tuyet Tran) đều xác định tình cảm vợ chồng không còn.

Xét thấy, anh Nguyễn Quang H và chị Trần Tuyết A (Tran Tuyet Anh; Tuyet Tran; Anh Tuyet Tran) không còn quan tâm đến nhau và đã sống ly thân 10 năm nay, đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu

cầu của anh Nguyễn Quang H về việc ly hôn chị Trần Tuyết A.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Quang H và chị Trần Tuyết A (Tran Tuyet Anh; Tuyet Tran; Anh Tuyet Tran) đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3] Về chi phí tố tụng:

Vì không phát sinh chi phí ủy thác ra nước ngoài nên anh Nguyễn Quang H được hoàn lại tiền tạm ứng chi phí ủy thác ra nước ngoài nhưng anh H phải chịu tiền chi phí tống đạt văn bản tố tụng theo đường Bưu chính ra nước ngoài theo quy định.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Quang H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 152, Điều 153, khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Quang H được ly hôn chị Trần Tuyết A (Tran Tuyet Anh; Tuyet Tran; Anh Tuyet Tran).

2. Về chi phí tố tụng: Anh Nguyễn Quang H được hoàn lại 3.000.000đồng (ba triệu đồng) tiền tạm ứng chi phí ủy thác ra nước ngoài (theo biên lai thu tạm ứng số: AA/2017/0005776 ngày 19-6-2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái) và phải chịu 1.734.730đồng làm tròn số 1.735.000 đồng (một triệu bảy trăm ba mươi lăm ngàn đồng) tiền chi phí tống đạt văn bản tố tụng theo đường Bưu chính ra nước ngoài (xác nhận đã nộp đủ).

3. Về án phí: Anh Nguyễn Quang H phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0005775 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái (anh H đã nộp đủ án phí).

Án xử sơ thẩm công khai, Anh Nguyễn Quang H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết; chị Trần Tuyết A (Tran Tuyet Anh; Tuyet Tran; Anh Tuyet Tran) vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 01 tháng, kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành

án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT3-TAND Tối cao;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- UBND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái;
- Sở Tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Thị Vân